ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 158 /TTr-UBND	*Thái Nguyên, ngày 05 tháng 8 năm 2021*

TỜ TRÌNH
Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Thực hiện Kết luận số 276-KL/TU ngày 04/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Thông báo số 111/TB-HĐND ngày 19/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung và công tác chuẩn bị Kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 517/TTr-SLĐTBXH ngày 01/8/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên, với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên.

2. Chủ đầu tư: Thực hiện theo quy định.

3. Đối tượng thụ hưởng của dự án: Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Tổng vốn thực hiện dự án: 350.000 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách địa phương vốn đầu tư công *(Từ nguồn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất một số đơn vị thuộc tỉnh được xây dựng trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và nguồn vốn huy động hợp pháp khác)*: 105.000 triệu đồng.

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 245.000 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện: 04 năm (Năm 2022 - 2025).

7. Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án: Thực hiện theo quy định.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Quá trình triển khai xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương dự án:

- Ngày 31/5/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1724/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, trong đó giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

- Ngày 30/7/2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Tờ trình số 569/TTr-SLĐTBXH về việc trình thẩm định chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên.

2. Việc thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án: Ngày 30/7/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Báo cáo thẩm định số 2362/BC-SKHĐT về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên.

2. Báo cáo số 2362/BC-SKHĐT ngày 30/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên.

3. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án./.

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Ký bởi: Văn phòng Ủy ban nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 05-08-2021 16:36:41 +07:00

Đặng Xuân Trường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án:
Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-BXD ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2020;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên là cơ sở nghỉ dưỡng tổng hợp, đa chức năng với hệ thống dịch vụ phong phú, đáp ứng nhu cầu điều dưỡng người có công trong và ngoài tỉnh. Khi đi vào hoạt động, Trung tâm vừa là nơi tổ chức các hoạt động thực hành, thực tập; vừa là nơi tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động của ngành Lao động- Thương binh và Xã hội.

2. Quy mô đầu tư:

a) Dự kiến khai thác quỹ đất với tổng diện tích khoảng 10 ha, mở rộng ra vị trí khác thuộc xã Tân Thái (huyện Đại Từ), đảm bảo điều kiện cho việc đầu tư đồng bộ các hạng mục công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo.

b) Các hạng mục đầu tư:

- Nhà hành chính quản trị; Nhà nghỉ dưỡng và phục hồi, điều trị; Nhà chăm sóc y tế, vật lý trị liệu, thư viện; Nhà hội trường, Nhà đa năng; Nhà bếp, nhà ăn; Sân thể thao; Bể bơi.

- Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật đầu tư đồng bộ.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 350.000 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn:

a) Ngân sách địa phương vốn đầu tư công *(Từ nguồn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất một số đơn vị thuộc tỉnh được xây dựng trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và nguồn vốn huy động hợp pháp khác)*: 105.000 triệu đồng.

b) Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 245.000 triệu đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: 04 năm (Năm 2022 - 2025).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh uỷ (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ
DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG TRUNG TÂM ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa điểm xây dựng: xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Cơ quan lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên, tháng 7 năm 2021

Cơ quan: Sở Lao động - Thương binh và xã hội, Tỉnh Thái Nguyên
Email: vanthu.soldtbxh@thainguyen.gov.vn
Thời gian ký: 29.07.2021 14:28:56 +07:00

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 561 /BC-SLĐTBXH

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO
Đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái nguyên

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/NQUVTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV; Quyết định số 26/2020/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/NQUVTVQH14 quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều nghị định 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng;

Căn chứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 20/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 3/6/2014 hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với Người có công với Cách mạng và thân nhân; Quản lý các công trình ghi công Liệt sỹ;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1561/QĐ-LĐTBXH ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng bộ Lao động - Thương binh và xã hội v/v phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công trong cả nước giai đoạn đến năm 2020;

Căn cứ định hướng quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định tiêu chí, nguyên tắc, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 19/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn chứ Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 02/10/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 02/5/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1724/QĐ- UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn I) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA DỰ ÁN:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên.

2. Dự án nhóm: Nhóm B.

3. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

4. Tên chủ đầu tư: Sở lao động - Thương binh và xã hội.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tân Thái , huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 350.000.000.000,0 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)*

6.1. Cơ cấu nguồn vốn:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ tỉnh Thái Nguyên: 245.000.000.000,0 đồng.

+ Ngân sách địa phương: 105.000.000.000,0 đồng.

6.2. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2025.

8. Các thông tin khác (*nếu có*): Không.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN:

1. Sự cần thiết đầu tư:

Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên được thành lập theo quyết định 249/QĐ-UB ngày 10/4/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, có trụ sở tại xóm Gốc Mít, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, với tổng diện tích là 32.311m^2 (3,23ha) bao gồm cả khu vực đảo. Hằng năm, số lượng người có công có nhu cầu đến điều dưỡng tập trung tại Trung tâm khoảng từ 3.200 người đến 3.500 người. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của trung tâm còn thiếu (chỉ có 50 giường điều dưỡng luân phiên) cộng với đội ngũ viên chức, người lao động của trung tâm ít, nên chỉ phục vụ điều dưỡng được từ 2.200 người đến 2.500 người/năm. Do đó, mỗi năm Trung tâm phải gửi đi điều dưỡng ở tỉnh ngoài khoảng 1.000 người. Đồng thời, với đặc thù là một tỉnh An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, là tỉnh duy nhất trong toàn quốc có Di tích lịch sử Quốc gia Thương binh - Liệt sĩ 27/7 nên hằng năm trung tâm Điều dưỡng phải đón một lượng lớn Người có công của các tỉnh; các đoàn công tác của các bộ, ngành, các tỉnh bạn về nghỉ dưỡng, thăm quan khu di tích lịch sử 27/7. Bên cạnh đó, nhu cầu được điều dưỡng/nghỉ dưỡng của đội ngũ lãnh đạo qua các thời kỳ đã nghỉ chế độ thuộc diện Tỉnh ủy Thái Nguyên quản lý trên địa bàn tỉnh có số lượng lớn, ngày càng tăng cao. Trong khi đó, cơ sở vật chất của Trung tâm đã xuống cấp do đầu tư đã lâu (năm 2001); về quy mô, diện tích của Trung tâm cũng còn nhỏ; đặc biệt, theo quy hoạch chung, ví trí của trung tâm hiện nay nằm trong quy hoạch khu du lịch quốc gia đặc biệt hồ Núi Cốc. Để đáp ứng được nhu cầu, nhiệm vụ đặt ra việc đầu tư xây dựng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên với quy mô lớn hơn, ở vị trí phù hợp hơn là rất cần thiết.

Xây dựng, nâng cấp mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên trở thành Trung tâm điều dưỡng người có công với quy mô lớn hơn, đa chức năng, có phạm vi phục vụ rộng, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong tỉnh, trong vùng (bao gồm cả các tỉnh phía Bắc như Bắc Kạn, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang…) mà còn đáp ứng nhu cầu đón các đoàn khách Người có công trong cả nước đến thăm viếng khu di tích lịch sử Quốc gia 27/7 là nhiệm vụ cần thiết của các cơ quan chức năng của Trung ương và của tỉnh Thái Nguyên.

Việc mở rộng thêm chức năng hoạt động, xây dựng điểm vùng về điều dưỡng người có công của khu vực phía Bắc, liên kết với các hoạt động trong ngành Lao động như: Đào tạo điều dưỡng chăm sóc Người có công bảo trợ xã hội, xuất khẩu lao động điều dưỡng; sử dụng cơ sở vật chất của Trung tâm làm khu thực hành đào

tạo, bồi dưỡng kiến thức về du lịch, điều dưỡng viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trước khi xuất khẩu lao động; là nơi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chăm sóc người cao tuổi, người có công cho các đối tượng của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận… rất phù hợp với chủ trương của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên là: định hướng cho các nhà trường, cơ sở Giáo dục nghề nghiệp phối hợp với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước để đưa học sinh, sinh viên ngành điều dưỡng sau khi tốt nghiệp làm việc tại các Viện dưỡng lão ở trong nước và nước ngoài.

Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên với quy mô xây dựng 375 giường điều dưỡng người có công với cách mạng trên vị trí phù hợp hơn cả về quy mô, diện tích cũng như phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh là cần thiết và cấp bách để đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn về hoạt động điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công trên địa bàn tỉnh; góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Đánh giá về hiện trạng khu đất để thực hiện dự án:

a. Địa hình

Khu vực lập dự án có địa hình tương đối bằng phẳng, phần lớn diện tích đất là đất ruộng lúa , ngoài ra còn có các khu vực đất trồng cây lâu năm, cây ngắn ngày, đất ở, vườn tạp và giao thông. Khu đất có hướng dốc chính từ Tây sang Đông, cao độ chênh cốt tại hai điểm lớn nhất là khoảng +55.54 (khu đất đồi) và thấp là + 44.98 nhất (khu đất ruộng giáp với hồ Thổ Hồng)

b. Khí hậu, thuỷ văn.

- Khí hậu: Cùng chung chế độ khí hậu của tỉnh Thái Nguyên. Một năm chia làm 2 mùa rõ rệt:

+ Mùa nóng bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10, gió Nam, Đông Nam làm chủ đạo, nhiệt độ cao nhất trung bình 38 độ C. Mùa nóng đồng thời cũng là mùa mưa tập trung từ tháng 7 đến tháng 9, bão thường xuất hiện trong tháng 7, 8.

+ Mùa lạnh bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 3, gió Đông Bắc là chủ đạo, nhiệt độ thấp nhất trung bình từ 8 - 100C.

+ Độ ẩm trung bình năm: 84,5%. Vào tháng 1 và 2 độ ẩm có thể đạt tới 100%.

- Thuỷ văn: Trong phạm vi nghiên cứu lập dự án chưa có tuyến mương tiêu nước, phần nước mặt chảy tràn tự nhiên qua khu đất ruộng từ hướng Bắc xuống phía Nam và từ Đông sang Tây. Giáp khu vực lập dự án có suối và không bị ngập úng.

c. Đặc điểm địa chất.

- Khu vực ruộng trồng lúa trên nền đất nguyên thổ hiện trạng thì chiều dày lớp đất màu/đất bùn dày 0,2m - 0,5m. Theo kết quả thăm dò địa chất một số công trình đã xây dựng cho thấy cường độ chịu tải khá cao thuận lợi trong xây dựng.

- Cấp động đất: Khu vực Thái Nguyên có cấp động đất 6MKS chu kỳ 200 năm.

d. Hiện trạng dân cư.

Ranh giới khu vực lập dự án có cắt qua phần diện tích đất của khoảng 6 - 10 hộ dân sinh sống, chủ yếu là các hộ dân nằm trong khu vực nghiên cứu lập dự án phía Bắc và phía tây khu vực dự án.

e. Hiện trạng lao động.

Dân cư quanh khu vực dự án chủ yếu là lao động nông nghiệp và lao động dịch vụ, ngoài ra còn có 1 số lượng nhỏ lao động công nhiệp và xây dựng.

f. Hiện trạng sử dụng đất.

- Cơ cấu các loại đất trong khu vực dự án chủ yếu là đất trồng lúa, ngoài ra là đất ở và vườn tạp liền thổ, suối, ao, đất giao thông, kênh mương hạ tầng kỹ thuật.

g. Hiện trạng các công trình hiện hữu

Trong khu vực dự án, công trình nhà ở hiện trạng phần lớn là nhà xây kiên cố và bán kiên cố, chủ yếu là nhà gạch, nhà cấp 4. Hầu hết các công trình mới được xây dựng chưa xuống cấp, còn lại là một số công trình được xây dựng lâu đã xuống cấp. Các công trình nhà ở hiện trạng không có giá trị kiến trúc.

Trong ranh giới lập dự án hiện có một số công trình công cộng, không có khu nghĩa trang.

1.3. Đánh giá về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật.

a. Hiện trạng các công trình ngầm.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật các công trình ngầm trong khu vực chưa phát triển.

b. Hiện trạng giao thông.

Khu vực dự án nằm ở hướng Nam tỉnh lộ 270. Xung quanh có các đoạn đường đất cận sát tới rìa ranh giới lập dự án. Hiện trạng giao thông trong ranh giới chủ yếu là đường đất.

c. Hiện trạng kênh mương.

Khu vực dự án hiện có hệ thống mương xây, mương đất, cung cấp nước tưới tiêu cho các khu vực ruộng canh tác. Ngoài ra còn có các đoạn mương đất nhỏ lẻ chạy quanh các thửa ruộng.

d. Hiện trạng nền xây dựng, thoát nước mưa.

Khu vực dự án có địa hình chuyển tiếp giữa các khu vực đất bằng phẳng và các khu vực ruộng trũng thấp với lưu vực thoát nước từ Tây sang Đông. Nước mặt được chảy tràn tự nhiên qua các thửa rộng và thoát về mương thoát nước nội đồng hoặc chảy về hồ Thổ Hồng.

e. Hiện trạng cấp điện.

Hiện có đường dây trung thế 22Kv chạy dọc theo tuyến đường đất hiện có và các đường hạ thế 0,4Kv cấp điện cho khu vực dân cư xung quanh.

f. Hiện trạng cấp nước.

Các hộ dân cư chủ yếu dùng nước sinh hoạt từ hệ thống cấp nước sạch của huyện, ngoài ra còn có giếng đào truyền thống hoặc giếng khoan. Các khu vực khác trong ranh giới nghiên cứu quy hoạch, lập dự án chưa được đấu nối với hệ thống cấp nước sạch. Tuy nhiên do vị trí cách trung tâm xã không xa, việc đấu nối với hệ thống cấp nước sạch là khả thi.

g. Hiện trạng thoát nước thải.

Hiện nay trong khu vực dự án chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải sinh hoạt của các hộ dân xả trực tiếp ra tự nhiên, không qua xử lý. Rác thải từ các hộ gia đình được thu gom và đặt tập trung tại một số điểm thu gom trên đường tỉnh lộ 270 và vận chuyển về khu xử lý rác tập trung của huyện.

h. Các dự án chuẩn bị đầu tư có liên quan.

Phía Bắc - Tây bắc; Đông Bắc khu vực dự án có dự án Quy hoạch khu dân cư mới, thể thao và trường học Tân Thái (đang thực hiện)...

1.4. Đánh giá chung:

a. Thuận lợi:

- Khu đất lập dự án chủ yếu là đất đồi, đất lúa, có địa hình bằng phẳng, thuận lợi cho quá trình giải phóng mặt bằng và san nền.

- Vị trí tiếp cận thuận lợi, giáp đường tỉnh lộ 270.

b. Khó khăn:

- Dự án xây dựng là khu vực mới hoàn toàn, hệ thống hạ tầng kỹ thuật cơ bản phải đầu tư xây mới.

c. Cơ hội:

- Tạo được một tổ hợp Trung tâm điều dưỡng, nghỉ dưỡng đa chức năng phục vụ công cộng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân trong tỉnh và khu vực.

- Đồng bộ các công trình kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật.

d. Thách thức:

- Nghiên cứu các giải pháp tiêu nước để đảm bảo tránh úng ngập cho khu vực xây dựng dự án.

- Chuyển đổi một phần diện tích đất nông nghiệp sang đất phục vụ dự án, người dân địa phương mất tư liệu sản xuất, cần có chính sách, chế độ đền bù, chuyển đổi nghề phù hợp để đảm bảo ổn định kinh tế xã hội.

- Các yếu tố môi trường bị tác động do quá trình thực hiện dự án đòi hỏi cần có các giải pháp khắc phục đảm bảo phát triển bền vững.

Căn cứ vào điều kiện địa chất công trình, địa chất thuỷ văn, hiện trạng sử dụng đất..., khu đất lập dự án đầu tư xây dựng được đánh giá là thuận lợi cho xây dựng.

- Môi trường: Lưu ý hệ thống sử lý nước thải sinh hoạt trước khi đưa ra hồ để tránh ô nhiễm môi trường.

- Cảnh quan: Cần tận dụng tối đa yếu tố cảnh quan để tạo hiệu quả trong khai thác sử dụng công trình.

1.5. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:

- Điều kiện tự nhiên: Về địa hình, địa chất, khí hậu, thủy văn khu vực đầu tư xây dựng dự án phù hợp với việc xây dựng Sân vận động, hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông và các hạng mục phụ trợ.

- Vị trí khu đất dự án là khu ruộng, đất đồi xen kẽ có dân cư sinh sống, thuận lợi cho việc đầu tư xây dựng đồng bộ ngay từ đầu.

- Địa thế khu đất tương đối đẹp, chủ yếu là ruộng lúa và đất đồi không có đầm lầy thuận lợi cho việc san lấp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật giao thông và các hạng mục phụ trợ.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của phạm vi xung quanh khu vực tương đối ổn định về giao thông, cấp điện, cấp nước…

- Địa hình khu vực xây dựng dự án rất thuận lợi, hiện đang là các khu ruộng và đất đồi lâm nghiệp.

- Dự án phù hợp với quy hoạch chung của huyện ĐạiTừ; Xã Tân Thái; quy hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và của tỉnh; Quy hoạch sử dụng đất của huyện thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện ĐạiTừ.

1.6. Sự phù hợp với quy hoạch:

Dự án phù hợp với quy hoạch chung của xã Tân Thái, của huyện Đại Từ; quy hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tân Thái, của huyện Đại Từ, Quy hoạch sử dụng đất của huyện thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Đại Từ.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư

2.1. Mục tiêu chung:

Đầu tư xây dựng Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên là cơ sở nghỉ dưỡng tổng hợp, đa chức năng với hệ thống dịch vụ phong phú, khép kín; được đầu tư xây dựng mới với công nghệ hiện đại, kết hợp phần lớn các thiết bị nhập ngoại và một phần thiết bị sản xuất trong nước để giảm bớt chi phí đầu tư, đạt tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn thực phẩm và các tiêu chuẩn về du lịch, môi trường... đáp ứng nhu cầu điều dưỡng người có công trong và ngoài tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Tiếp tục duy trì hoạt động điều dưỡng Người có công theo định hướng tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ và từng bước thực hiện cơ chế tự chủ. Chủ yếu

cung cấp các dịch vụ nghỉ dưỡng, dành cho người có công còn khỏe, có nhu cầu điều dưỡng, nghỉ ngơi tham quan, du lịch…Chủ yếu cung cấp các dịch vụ chăm sóc, ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, luyện tập phục hồi chức năng, quản lý sức khỏe cho đối tượng chính là người có công ở trong tình trạng cần được chăm sóc đặc biệt.

+ *Dịch vụ chăm sóc theo ngày tại trung tâm:* Người có công đến cơ sở để được hỗ trợ ăn uống, tắm rửa, kiểm tra sức khỏe định kỳ, luyện tập chức năng, sinh hoạt văn hóa tinh thần… dịch vụ này vừa đáp ứng nhu cầu chăm sóc, phục hồi duy trì chức năng tâm thần và vận động, vừa đáp ứng nhu cầu giải tỏa sự cô đơn của người cao tuổi; đồng thời giải tỏa được gánh nặng chăm sóc cho các thành viên trong gia đình của người cao tuổi.

+ *Dịch vụ chăm sóc sinh hoạt ngắn ngày tại Trung tâm:* Là dịch vụ lưu trú ngắn hạn, đối tượng được nghỉ dưỡng, chăm sóc sinh hoạt hàng ngày như ăn uống, thay quần áo, tắm rửa tại các cơ sở y tế trong trường hợp tạm thời gặp khó khăn trong việc chăm sóc tại nhà.

+ *Dịch vụ Nghỉ dưỡng - Chăm sóc sinh hoạt chung tại Trung tâm:* Phục vụ đối tượng là người có công đang được chăm sóc lâu dài tại trung tâm và các thành viên trong gia đình họ với mục đích gắn kết tình cảm, mối quan hệ gắn bó giữa các thế hệ ông/bà - con - cháu… Khi tham gia dịch vụ này người cao tuổi được sinh hoạt tại các căn hộ riêng biệt, có đầy đủ các tiện nghi sinh hoạt như ở gia đình; đồng thời được nghỉ ngơi, tham quan/thụ hưởng các dịch vụ trong khu du lịch vừa đáp ứng được nhu cầu nghỉ dưỡng, vừa đáp ứng nhu cầu về gắn kết tình cảm mối quan hệ trong gia đình (đây là mô hình mới - mô hình liên thế hệ, tăng cường sự gắn kết tình cảm trong các gia đình nhiều thế hệ).

+ *Dịch vụ chăm sóc tại nhà:* Là hỗ trợ các hộ gia đình lập kế hoạch sử dụng dịch vụ tại nhà, điều chỉnh với từng loại dịch vụ để có thể sử dụng dịch vụ thích hợp với tình trạng sức khỏe tâm thần và vận động, phù hợp với mong muốn của người sử dụng dịch vụ. Các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc tại nhà bao gồm:

- Đến chăm sóc tại nhà: Cử nhân viên đến nhà của người sử dụng dịch vụ để hỗ trợ sinh hoạt như ăn, uống, vệ sinh cá nhân (tắm, giặt), dọn dẹp…

- Y tá chăm bệnh tại nhà: Là dịch vụ cử nhân viên y tế đến nhà của người sử dụng dịch vụ thăm khám sức khỏe và hỗ trợ tự sinh hoạt để người bệnh có thể điều trị, sinh hoạt tại gia đình.

- Hỗ trợ tắm rửa tại nhà: Nhân viên y tế được cử đến nhà, di chuyển bồn tắm đến tận phòng ở để thực hiện dịch vụ tắm rửa cho người gặp khó khăn trong việc tắm rửa tại nhà hoặc các cơ sở y tế.

- Hỗ trợ chăm sóc ban đêm: Nhân viên chăm sóc sẽ đến nhà vào khung giờ ban đêm nhằm giúp người già được sinh hoạt ngay tại gia đình của mình.

Đồng thời với các nhiệm vụ trên, khi đi vào hoạt động Trung tâm vừa là nơi tổ chức các hoạt động thực hành, thực tập của học viên; vừa là nơi để tổ chức các

hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động của ngành Lao động-Thương binh và Xã hội.

2.4. Địa điểm đầu tư và hiện trạng vị trí thực hiện dự án:

a. Địa điểm đầu tư:

Thuộc Xã Tân Thái, huyện Đại Từ, ranh giới cụ thể như sau:

+ Phía Bắc : Giáp cánh đồng lúa và khu dân cư

+ Phía Nam : Giáp khu dân cư và đường tỉnh lộ 270

+ Phía Đông: Giáp hồ Thổ Hồng

+ Phía Tây : Giáp khu dân cư phía UBND xã Tân Thái

- Dự kiến khai thác quỹ đất với tổng diện tích tổng diện tích khu đất khoảng 10 ha. Đảm bảo điều kiện cho việc đầu tư đồng bộ các hạng mục công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo.

b. Hiện trạng vị trị thực hiện dự án: Cơ sở vật chất và tài sản khác gắn liền với đất:

- Về đất: Cơ cấu các loại đất trong khu vực nghiên cứu lập dự án chủ yếu là đất trồng lúa, ngoài ra là đất ở và vườn tạp liền thổ, suối, ao, hồ, đất giao thông, kênh mương hạ tầng kỹ thuật.

- Về cơ sở vật chất và tài sản khác gắn liền với đất:

+ Trong ranh giới dự án hiện có một số nhà ở của dân, công trình công cộng, không các khu nghĩa trang.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật các công trình ngầm trong khu vực chưa phát triển.

+ Khu vực dự án có địa hình chuyển tiếp giữa các khu vực đất bằng phẳng và các khu vực ruộng trũng thấp với lưu vực thoát nước từ Tây sang Đông. Nước mặt được chảy tràn tự nhiên qua các thửa rộng và thoát về hồ Thổ Hồng

+ Khu vực dự án hiện có mương xây kiên cố, cung cấp nước tưới tiêu cho các khu vực ruộng canh tác. Ngoài ra còn có các đoạn mương đất nhỏ lẻ chạy quanh các thửa ruộng.

+ Hiện có đường dây trung thế 22 KV chạy dọc theo tuyến đường đất hiện có và các đường hạ thế 0,4KV cấp điện cho khu vực dân cư xung quanh.

+ Chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải sinh hoạt của các hộ dân xả trực tiếp ra tự nhiên, không qua xử lý. Rác thải từ các hộ gia đình được thu gom và đặt tập trung tại một số điểm thu gom trên đường liên xã, xóm và vận chuyển về khu xử lý rác tập trung của huyện.

c. Những vấn đề cấp bách cần được giải quyết:

- Nghiên cứu các giải pháp tiêu nước để đảm bảo tránh úng ngập cho khu vực xây dựng dự án.

- Chuyển đổi một phần diện tích đất ở, nông nghiệp sang đất phục vụ dự án, người dân địa phương phải di dời, mất tư liệu sản xuất, cần có chính sách, chế độ đền bù, tái định cư, chuyển đổi nghề phù hợp để đảm bảo ổn định kinh tế xã hội.

- Các yếu tố môi trường bị tác động do quá trình thực hiện dự án đòi hỏi cần có các giải pháp khắc phục đảm bảo phát triển bền vững.

2.5. Quy mô đầu tư:

a. Cơ sở tính toán.

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để TK

- TCVN 4391-2015: Khách sạn - xếp hạng

- TCVN 4470-2014: Bệnh viện đa khoa – Yêu cầu thiết kế

- TCVN 2737:1995, Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5574-2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – tiêu chuẩn thiết kế;

- TCXD 45:78, Nền, nhà và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCXD 5573-2011: Thiết kế gạch đá và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCXDVN 5575-2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- Tiêu chuẩn xây dựng số TCXD-9207 - 2012: Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế.

- Tiêu chuẩn xây dựng số TCXD-9206 - 2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế.

- Tiêu chuẩn chống sét cho các công trình xây dựng dân dụng (TCVN 46-2007)

- Tiêu chuẩn nối đất nối không các thiết bị điện (TCVN 4756-89)

- Quy phạm trang bị điện 11 TCN 18-2006; 11 TCN 19-2006; 11 TCN 20-2006; 11 TCN 21-2006 do Bộ Công Nghiệp ban hành.

b. Giải pháp thiết kế:

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để TK

- TCVN 4391-2015: Khách sạn - xếp hạng

- TCVN 4470-2014: Bệnh viện đa khoa - Yêu cầu thiết kế

- TCVN 2737:1995, Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5574-2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế;

- TCXD 45:78, Nền, nhà và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCXD 5573-2011: Thiết kế gạch đá và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCXDVN 5575-2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- Tiêu chuẩn xây dựng số TCXD-9207 - 2012: Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế.

- Tiêu chuẩn xây dựng số TCXD-9206 - 2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- Tiêu chuẩn chống sét cho các công trình xây dựng dân dụng (TCVN 46 -2007).

- Tiêu chuẩn nối đất nối không các thiết bị điện (TCVN 4756 - 89)

- Quy phạm trang bị điện 11 TCN 18-2006; 11 TCN 19-2006; 11 TCN 20-2006; 11 TCN 21-2006 do Bộ Công Nghiệp ban hành.

- Căn cứ Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4205:2012 Công trình thể thao - Sân thể thao – Tiêu chuẩn thiết kế;

- Căn cứ Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4260:2012 Công trình thể thao - Bể bơi - Tiêu chuẩn thiết kế;

b. Quy mô đầu tư.

- Quy mô xây dựng 375 giường điều dưỡng người có công với cách mạng, với diện tích 10 ha

Dự kiến khai thác quỹ đất với tổng diện tích vào khoảng 10 ha nâng cấp, mở rộng ra vị trí khác thuộc xã Tân Thái huyện Đại Từ. Đảm bảo điều kiện cho việc đầu tư đồng bộ các hạng mục công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo.

+ Diện tích xây dựng các hạng mục công trình: 22.000 m^2;

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 21.000 m^2;

+ Mật độ xây dựng: 32 %.

+ Hệ số sử dụng đất: 0,3;

+ Số tầng cao: 1 - 5 tầng;

Cấp công trình: Cấp II theo Thông tư 03/2016/BXD và nguyên tắc phân cấp. Phân loại công trình xây dựng; Phụ lục II - Phân cấp công trình theo quy mô công suất hoặc tầm quan trọng (ban hành kèm theo Thông tư 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ Xây dựng).

Nhóm công trình: Nhóm B theo điều 9, Luật Đầu tư công số 39/2091/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội;

*** Các hạng mục chính của dự án:**

- San lấp mặt bằng, kè đá, cổng, tường rào, sân bêtông, đường giao thông;

- Trạm biến áp lên 560 KVA;

- Nhà hành chính quản trị;

- Cấp, thoát nước ngoài nhà, thoát nước thải, bể cứu hỏa PCCC;

- Cấp điện ngoài nhà, chiếu sáng sân đường, thông tin liên lạc ngoài nhà;
- Nhà bếp + ăn;
- Đơn nguyên A;
- Đơn nguyên B;
- Đơn nguyên C;
- Nhà chăm sóc Y tế + Vật lý trị liệu + Giảng đường + Thư viện;
- Nhà hội trường;
- Nhà đa năng;
- Bể bơi;
- Nhà dịch vụ bể bơi;
- Nhà chòi nghỉ bên bờ hồ;
- Biệt thự nghỉ dưỡng;
- Sân thể thao;
- Cây xanh

*** Quy mô chi tiết các hạng mục công trình:**

- San lấp mặt bằng:
  - ✓ Tổng khối lượng đào: 8.920 m^3
  - ✓ Tổng khối lượng đắp (kể cả đắp bù vét hữu cơ): 67.560 m^3
  - ✓ Khối lượng vét hữu cơ: 7.000 m^3

- Cổng, hàng rào, kè đá, sân, đường giao thông, vườn trồng cây xanh, vườn trồng cây dược liệu.
  - ✓ Đường vào khu đất Trung tâm: Dài 380m, rộng 7m, đổ bê tông M200# dày 18cm.
  - ✓ Đường giao thông nội bộ: Tạo sự liên hoàn trong khu điều dưỡng, kết cấu bê tông M200#, dày 120, đệm cát 5cm kết hợp với sân cục bộ từng hạng mục công trình đổ bê tông M200# dày 70, đệm cát, lát gạch Tezado, bồn hoa xây gạch dày 220mm, cao 210mm, ốp gạch thẻ, đổ đất màu trồng cây, hoa.
  - ✓ Đường bê tông: Diện tích 4500 m^2
  - ✓ Sân bê tông lát gạch: Diện tích 4000 m^2
  - ✓ Diện tích bồn hoa: 8.000 m^2
  - ✓ Bó vỉa bồn cây: 3.000 m
  - ✓ Kè đá: Có tác dụng chắn đất, tạo mặt bằng xây dựng, tạo cảnh quan; Tổng chiều dài kè là 600m có chiều cao dao động từ 2,5- 4m

✓ Cổng, hàng rào: 01 cổng chính, 02 cổng phụ, hàng rào xây gạch 1.000 m.

- Trạm biến áp lên 560 KVA: Xây dựng, lắp đặt mới trạm biến áp công suất 560 KVA.

- Nhà hành chính quản trị: Nhà cấp III, 2 tầng, loại công trình dân dụng bậc chịu lửa bậc III, diện tích sàn 780m^2. Chiều dài mặt bằng nhà 40m, chiều rộng 10m. Móng BTCT, khung BTCT sàn và mái BTCT toàn khối. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Cấp điện, thu lôi chống sét, cấp thoát nước, chống mối đồng bộ kèm theo.

- Cấp, thoát nước ngoài nhà, thoát nước thải, bể cứu hỏa PCCC:

✓ Cấp nước: Dùng nguồn có sẵn của khu vực

✓ Đặt 01 bể tăng áp bằng inox 5m3 ở vị trí cao của khu vực đặt

✓ Nước thải sử lý triệt để trước khi đưa ra hệ thống thoát nước chung

✓ Thoát nước mặt thu gom bằng cống nội trước khi thoát ra hồ

✓ Hệ thống PCCC theo tính chất

- Cấp điện ngoài nhà, chiếu sáng sân đường, thông tin liên lạc ngoài nhà:

✓ Dùng nguồn có sẵn, cấp cho các hạng mục đầu tư xây mới bằng cáp ngầm.

✓ Điện chiếu sáng sân vườn, có chức năng bảo vệ là chính, lắp đèn cao áp tại các điểm nút giao thông nội bộ

- Nhà bếp + ăn: Nhà cấp III, 2 tầng, loại công trình dân dụng bậc chịu lửa bậc III, diện tích sàn 1400m2. Chiều dài mặt bằng nhà 35m, chiều rộng 20m. Móng BTCT, khung BTCT sàn và mái BTCT toàn khối. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Cấp điện, thu lôi chống sét, cấp thoát nước, chống mối đồng bộ kèm theo.

- Đơn nguyên A: Nhà cấp III, 5 tầng, loại công trình dân dụng bậc chịu lửa bậc III, diện tích sàn 3950m2, qui mô 150 giường. Chiều dài mặt bằng nhà 44m, chiều rộng trung bình 18m. Móng BTCT, khung BTCT sàn và mái BTCT toàn khối. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Cấp điện, thu lôi chống sét, cấp thoát nước, chống mối đồng bộ kèm theo.

- Đơn nguyên B: Nhà cấp III, 5 tầng, loại công trình dân dụng bậc chịu lửa bậc III, diện tích sàn 3950m2, qui mô 150 giường. Chiều dài mặt bằng nhà 44m, chiều rộng trung bình 18m. Móng BTCT, khung BTCT sàn và mái BTCT toàn khối. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Cấp điện, thu lôi chống sét, cấp thoát nước, chống mối đồng bộ kèm theo.

- Đơn nguyên C: Nhà cấp III, 2 tầng, loại công trình dân dụng bậc chịu lửa bậc III, diện tích sàn 1600m2, qui mô 75 giường. Chiều dài mặt bằng nhà 44m, chiều rộng trung bình 18m. Móng BTCT, khung BTCT sàn và mái BTCT toàn khối. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Cấp điện, thu lôi chống sét, cấp thoát nước, chống mối đồng bộ kèm theo.

- Nhà chăm sóc y tế + Vật lý trị liệu + Giảng đường + Thư viện: Nhà cấp III, 3 tầng, loại công trình dân dụng bậc chịu lửa bậc III, diện tích sàn 1640m2. Chiều

dài mặt bằng nhà 40m, chiều rộng 18m. Móng BTCT, khung BTCT sàn và mái BTCT toàn khối. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Cấp điện, thu lôi chống sét, cấp thoát nước, chống mối đồng bộ kèm theo.

- Nhà hội trường: Nhà cấp III, 1 tầng, loại công trình dân dụng bậc chịu lửa bậc III, diện tích sàn 1200m2. Chiều dài mặt bằng nhà 40m, chiều rộng 30m. Móng BTCT, khung BTCT sàn và mái BTCT toàn khối kết hợp với mái tôn kèo thép. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Cấp điện, thu lôi chống sét, cấp thoát nước, chống mối đồng bộ kèm theo.

- Nhà đa năng: Nhà cấp III, 1 tầng, loại công trình dân dụng bậc chịu lửa bậc III, diện tích sàn 600m2. Chiều dài mặt bằng nhà 33m, chiều rộng 18m. Móng BTCT, khung cột kèo thép, mái lợp tôn. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Cấp điện, thu lôi chống sét, cấp thoát nước, chống mối đồng bộ kèm theo.

- Bể bơi: Diện tích xây dựng 1.760m^2. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ kèm theo.

- Nhà dịch vụ bể bơi: Nhà cấp III, 1 tầng, loại công trình dân dụng bậc chịu lửa bậc III, diện tích sàn 240m2, móng BTCT, khung BTCT sàn và mái BTCT toàn khối. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Cấp điện, thu lôi chống sét, cấp thoát nước, chống mối đồng bộ kèm theo.

- Nhà chòi nghỉ bên bờ hồ: Cấp IV, loại công trình dân dụng bậc chịu lửa bậc III, diện tích sàn 150m2, khung cột kèo, xà gồ bằng thép mái lợp ngói. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Cấp điện, thu lôi chống sét, … đồng bộ kèm theo.

- Khu căn hộ, biệt thự dành cho dịch vụ nghỉ dưỡng – chăm sóc sinh hoạt chung tại trung tâm: Đây là khu căn hộ khép kín, có bếp ăn và không gian vườn riêng; đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng của một gia đình nhiều thế hệ. Xây dựng 15 căn Nhà cấp III, 1 tầng, diện tích sàn xây dựng 100m2/1 căn.

- Sân tennis: 2 sân x 700m$_2$ = 1400m^2

*** Thiết bị:**

- Thiết bị xây dựng được đầu tư đồng bộ

- Thiết bị sử dụng được trang bị đồng bộ

- Thiết bị đồ nội thất.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

3.1. Dự kiến tổng mức đầu tư:

Nhu cầu vốn phục vụ dự án là tổng các chi phí cần thiết (tổng mức đầu tư) để thực hiện dự án, được xác định trên cơ sở quy mô, công suất theo phương án thiết kế sơ bộ và suất vốn đầu tư đang thực hiện có điều chỉnh, bổ sung những chi phí cần thiết khác

- Tổng mức đầu tư của cả dự án: 350.000.000.000,0 đồng;

+ Nguồn ngân sách tỉnh: 105.000.000.000 đồng;

+ Nguồn ngân sách TW hỗ trợ tỉnh Thái Nguyên: 245.000.000.000, 0 đồng;

4. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn theo giai đoạn:

- Ngân sách tỉnh giai đoạn 2022-2025: 105.000.000.000,0 đồng

- Ngân sách TW hỗ trợ tỉnh Thái Nguyên: 245.000.000.000, 0 đồng

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

Kinh phí vận hành bảo dưỡng công trình sau khi hoàn thành được thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội;

6.1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội

a. Các tiêu chuẩn được áp dụng:

- Luật Bảo vệ môi trường được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam kỳ họp thứ 7 Khoá XIII, thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ban hành ngày 18/07/2011 của Bộ Trưởng Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường "Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường";

- Thông tư số 01/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng, ngày 27 tháng 1 năm 2011 Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

- Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ban hành ngày 14/04/2011của Bộ Trưởng Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường về việc "Hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại";

- Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ban hành ngày 18/12/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường về việc "Bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường";

b. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

- QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- QCVN 05: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 03: 2008/BTNMT "Giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất";

- Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 08: 2008/BTNMT "Chất lượng nước mặt";

- Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 09: 2008/BTNMT "Chất lượng nướcngầm";

6.2. Các tác động môi trường khi Thái Nguyên đầu tư dự án:

- Môi trường không khí

- Môi trường nước

- Môi trường đất

- Môi trường kinh tế xã hội

- Môi trường sinh thái

* Các vấn đề môi trường chính của dự án bao gồm:

- Môi trường kinh tế - xã hội

- Môi trường cảnh quan sinh thái

- Mụi trường tự nhiên: đất, nước, không khí

Dự án khi được thực hiện sẽ mang lại lợi ích to lớn cho toàn tỉnh, tạo thuận lợi cho việc đi lại, giao lưu kinh tế trong và ngoài khu vực. Tuy nhiên việc quy hoạch dự án cũng không tránh khỏi những tác động đến đời sống nhân dân, đến môi trường khu vực dự án. Do đó cần phải đánh giá các yếu tố tác động đến môi trường của dự án là việc làm cần thiết để xác định mức độ ảnh hưởng, đưa ra các biện pháp khống chế, giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường, hạn chế các tác động tiêu cực có thể xảy ra.

* *Hiện trạng môi trường:*

- Hiện trạng môi trường nước: Hiện nay trong khu vực nghiên cứu chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải sinh hoạt của các hộ dân xả trực tiếp ra tự nhiên, không qua xử lý, là nguồn gây ô nhiễm môi trường. Hướng thoát đều được thoát ra phía hồ Thổ Hồng.

- Rác thải từ các hộ gia đình, các công trình công cộng được thu gom theo hệ thống quản lý của huyện. Rác thu gom được tập trung vào khu xử lý rác của khu vực.

- Hiện trạng môi trường không khí: Do khu vực dự án không có các công trình công nghiệp không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí, mật độ dân cư không lớn và mật độ phủ xanh cao làm cho chất lượng môi trường không khí tại khu vực quy hoạch khá tốt.

- Môi trường không khí: Nguồn phát sinh yếu tố gây ô nhiễm môi trường không khí tại khu vực chủ yếu là do các phương tiện tham gia giao thông trên các tuyến đường với mật độ nhiều và đường dân sinh với chủ yếu là đường đất và đường bê tông, đường bê tông, với các thành phần gây ô nhiễm chủ yếu là bụi và khí thải (CO2, NOx, SO2,...) tác động trực tiếp lên hai bên tuyến đường giao thông, và người dân xung quanh khu vực dự án.

- Môi trường nước: Nguồn gây ô nhiễm môi trường nước chủ yếu là do nước thải từ quá trình sinh hoạt của người dân và nước mưa chảy tràn. Qua thực tế cho thấy nước sinh hoạt của người dân sau khi sử dụng sẽ xả thải trực tiếp ra môi trường tự nhiên. Bên cạnh đó, nước mưa chảy tràn thoát theo hướng tự nhiên ra phía hồ. Do đó có thể thấy về lâu dài sẽ ảnh hưởng nặng nề đến môi trường nước.

* Tác động trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng:

Trong quá trình giải phóng mặt bằng sẽ gây tác động đến môi trường xã hội, làm xáo trộn cuộc sống (do phải chuyển đổi nghề, thừa lao động) và gây tâm lý bất ổn cho người dân thuộc diện đền bù đất nông nghiệp và hoa màu trong khu vực.

Giai đoạn xây dựng có khối lượng công việc khá lớn (nhiều hạng mục thi công), diện tích rộng với các hoạt động nạo vét bóc lớp đất mặt, đắp nền, đóng cọc, đào hố móng, vận chuyển tập kết nguyên vật liệu, thi công xây dựng và đổ thải đều có thể tạo ra các nguồn gây ô nhiễm môi trường: bụi, khí thải, tiếng ồn, chất thải rắn...

Chúng tôi tiến hành đánh giá cụ thể như sau:

a. Tác động đến môi trường không khí:

Trong quá trình xây dựng, việc san lấp mặt bằng, vận chuyển vật liệu ... sẽ gây nên một số tác động đến môi trường không khí do phát sinh các yếu tố ô nhiễm sau:

- Bụi: Do các hoạt động san ủi, lu đầm mặt bằng, đào đất, đắp nền, vận chuyển vật liệu…. Bụi bị cuốn lên từ đường giao thông do phương tiện, gió thổi qua bãi chứa vật liệu xây dựng như xi măng, đất cát…

- Khí thải của các phương tiện vận tải, máy móc thi công, đốt nhựa đường... chứa bụi, các khí: SO2, CO2, CO, NOx, THC, hợp chất chì từ khói xăng dầu.

- Tiếng ồn và độ rung của phương tiện thi công cơ giới:

Trong quá trình thi công xây dựng công trình sẽ làm phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải ảnh hưởng đến môi trường không khí, cuộc sống người dân xung quanh và công nhân trực tiếp thi công.

* Phạm vi và đối tượng bị ảnh hưởng:

- Vùng thi công ;

- Đường giao thông đặc biệt ảnh hưởng, do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu: đất, đá, cát, sỏi,… từ nơi khác đến, kết hợp với các loại xe lưu thông trên đường nên hàm lượng bụi, và độ ồn dọc đường giao thông có tính cộng hưởng ô nhiễm lớn;

- Khu vực lân cận với vùng thi công: chính là khu dân cư giáp với vùng quy hoạch.

* Mức độ ảnh hưởng:

- Làm giảm chất lượng môi trường, xáo trộn cuộc sống, đường giao thông xuống cấp...

Tuy nhiên, các nguồn gây ô nhiễm trên mang tính tạm thời, không liên tục, phân tán và tuỳ thuộc vào cường độ thi công, khối lượng xe cơ giới. Do đó mức độ ảnh hưởng đến môi trường không lớn. Đồng thời, trong quá trình thực hiện Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các biện pháp giảm thiểu.

b. Tác động đến môi trường đất do chất thải rắn

Trong giai đoạn xây dựng, một lượng lớn chất thải rắn được sinh ra:

- Vật liệu xây dựng bị thải bỏ: gạch ngói, đất cát, phế liệu sắt thép...

- Rác thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường.

Những nguồn này nếu không được thu gom, xử lý mà thải bừa bãi ra xung quanh sẽ là nguồn gây ô nhiễm môi trường, làm mất cảnh quan khu vực.

Ngoài ra nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn chứa đất cát, bùn thải, dầu mỡ nếu chảy trực tiếp xuống đất làm suy giảm chất lượng đất.

Biến đổi môi trường đất có thể theo các hướng sau: biến đổi địa hình và nền rắn, thay đổi tính chất lý hoá. Lớp thảm thực vật bị thay đổi do lượng xe cơ giới, máy móc thiết bị hoạt động san ủi làm nền, đường. Nhiều hạng mục công trình hạ tầng được thi công sẽ tạo ra những khe rãnh trên mặt đất, tạo ra sự xói mòn nếu như các giải pháp về thoát nước không được tính toán kỹ.

Các chấn động do khoan đóng cọc, đổ móng công trình cũng sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến cấu tượng đất theo hướng biến đổi địa hình và nền rắn nhưng chỉ xảy ra tạm thời trước khi đất đạt được độ ổn định địa chất.

c. Các tác động đến môi trường nước:

Có 2 nguồn nước có thể gây ra những tác động xấu đến môi trường là nước thải sinh hoạt của công nhân và nước mưa chảy tràn.

Nguồn gây ô nhiễm	Thành phần gây ô r.hiễm
Nước thải sinh hoạt	BOD, COD, SS, các hợp chất dinh dưỡng, dầu mỡ, vi khuẩn, hợp chất tẩy rửa...
Nước mưa chảy tràn	Chất rắn lơ lửng, chất hoà tan, dầu mỡ máy móc...

- Nước thải sinh hoạt: Do tập trung nhiều công nhân nên lượng nước thải sinh hoạt (bình quân 40 - 80l/người/ngày) khá lớn, chứa chất hữu cơ, cặn lơ lửng và vi sinh vật.

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng công trường cuốn theo đất cát, rác thải, dầu mỡ, chất hữu cơ…vào hệ thống ao hồ, sông suối khu vực làm gia tăng sự lắng đọng bùn đất, làm giảm chất lượng nước mặt.

Vì vậy, đơn vị thi công phải có biện pháp quản lý việc sử dụng nguyên nhiên liệu, vật liệu xây dựng và có biện pháp thu gom, tiêu thoát nước hợp lý.

d. Tiếng ồn và độ rung

Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ máy móc thi công và các phương tiện vận chuyển vật liệu. Qua khảo sát tại một số công trường đang thi công cho thấy tiếng ồn khi các thiết bị hoạt động có thể lên đến 80 - 100dBA.

Tuy nhiên cũng như bụi và khí thải, tiếng ồn phát sinh không liên tục. Đồng thời đơn vị thi công cũng sẽ có những biện pháp giảm thiểu tiếng ồn lớn và bố trí thời gian làm việc hợp lý.

e. Một số tác động khác

- Tai nạn lao động: Điều kiện làm việc trên công trường: thủ công hoặc cơ giới, tiếp xúc với nhiều loại thiết bị công suất lớn, cộng với thời tiết khắc nghiệt, môi trường làm việc có nhiều nồng độ bụi, khí thải và tiếng ồn khá cao có thể gây ảnh hưởng đến sức khoẻ, năng suất làm việc của công nhân, thậm chí xảy ra tai nạn lao động.

Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông cũng tăng do hình thành ngã rẽ trên tuyến đường, có nhiều phương tiện cơ giới, môi trường sống bị tác động theo hướng tiêu cực: gia tăng bụi khí thải và tiếng ồn.

- Sự cố môi trường: Kho chứa nguyên liệu, nhiên liệu, hệ thống điện tạm thời là những nguồn có khả năng xảy ra sự cố cháy nổ gây thiệt hại về tài sản và con người.

- Tác động đến cộng đồng: Các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường đều có những ảnh hưởng nhất định đến sức khoẻ dân cư khu vực, làm xáo trộn cuộc sống, gây phiền nhiễu đến các hoạt động xã hội khác.

Ngoài ra có thể phát sinh các tệ nạn xã hội; tình hình an ninh trật tự, vệ sinh môi trường không đảm bảo do tập trung một lượng lớn công nhân xây dựng .

* <u>Các tác động đến môi trường khi dự án được đưa vào khai thác, sử dụng</u>:

a. Các tác động do khí thải và bụi

Các tác động do khí thải và bụi khi dự án đi vào hoạt động là không đáng kể. Khí thải và bụi chủ yếu phát sinh từ các loại xe lưu thông trên đường. Phần lớn bụi được giảm nhờ quá trình tưới nước, rửa đường và quá trình hấp thụ bụi và khí độc nhờ diện tích cây xanh có mật độ khá dày.

b. Các tác động do nguồn nước thải:

Nguồn phát sinh nước thải bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt: Từ các khu vệ sinh của công nhân thi công công trình, nước rửa đường. . . với hàm lượng chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, vi sinh vật cao.

- Nước thải sinh hoạt tính bằng chỉ tiêu cấp nước.

c. Chất thải rắn

Nguồn chất thải rắn của dự án khi đi vào hoạt động chủ yếu là rác thải sinh hoạt của các vận động viên và khan giả.

Chất thải rắn được chia làm 2 loại

- Chất thải rắn dễ phân huỷ là các loại chất thải hữu cơ như lương thực, thực phẩm dư thừa bị thải loại.

- Chất thải rắn khó phân huỷ gồm các loại vỏ hộp, bao bì bằng kim loại, polyme.

Rác thải sinh hoạt có đặc tính chung là phân huỷ nhanh, trong điều kiện khí hậu nóng ẩm tại địa phương, gây mùi hôi thối khó chịu.

Vì vậy, rác thải cần được thu gom, phân loại, xử lý ngay trong ngày. Đặc biệt túi ni lông, vật dụng bằng nhựa (polyme) ngày càng chiếm tỷ lệ lớn trong thành phần rác thải sinh hoạt nhưng lại khó phân hủy, tồn tại trong môi trường tự nhiên lâu, nếu đốt dễ sinh khí dioxin độc hại nên cần được phân loại, tái sử dụng.

d. Các sự cố môi trường

- Trong các công trình: Sự cố cháy nổ, chập điện liên quan đến việc sử dụng lò đốt (khí gas), các vật dụng dùng điện đều có thể xảy ra nếu công tác đảm bảo an toàn điện, phòng chống cháy nổ không được quan tâm và thường xuyên thực hiện.

- Ngoài công trình: Sự cố chập điện dẫn đến cháy nổ tại các trạm biến áp, đường dây tải điện từ trạm đến các công trình.

* Biện pháp quản lý môi trường:

Giảm thiểu tác động của quá trình giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng

a. Quá trình giải phóng mặt bằng

Các tác động của giai đoạn giải phóng mặt bằng chủ yếu liên quan đến môi trường xã hội: Thu hồi và chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, bồi thường, chuyển hoá lao động, trực tiếp tác động đến cuộc sống người dân.

Vì vậy cần có một giải pháp bồi thường hợp lý theo hướng vừa bồi thường đất nông nghiệp, vừa ưu tiên những lợi ích của dự án có thể đem lại cho các hộ dân.

Công tác đền bù diện tích đất đai cho người dân theo các quy định của pháp luật về thu hồi đất phục vụ các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

Các bước thực hiện quá trình giải phóng mặt bằng đảm bảo tính dân chủ và công bằng; phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về đơn giá cũng như thời gian thực hiện.

b. Quá trình thi công xây dựng

* Các biện pháp quản lý

Chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các biện pháp sau:

- Lên kế hoạch thi công, cung cấp vật tư, quản lý công nhân và bố trí nơi ăn ở tại công trường chặt chẽ, tránh chồng chéo gây ách tắc giao thông.

- Cắm biển báo tốc độ, biển báo công trường, có rào chắn tại các vị trí nguy hiểm (cống, hố đào).

- Không đặt các trạm trộn bê tông quá gần khu dân cư lân cận.

- Không khai thác đất từ đất nông nghiệp xung quanh.

- Không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần nguồn nước.

- Quản lý chặt chẽ xăng dầu, vật liệu nổ...

- Đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công nhân như: nhà ăn, nghỉ, tắm giặt, y tế, vệ sinh; bố trí đường vận chuyển hợp lý; có rào chắn cách ly các khu vực nguy hiểm; che chắn những khu vực phát sinh nhiều bụi, quy định cụ thể vị trí khu vệ sinh, bãi rác,… tránh phóng uế, vứt rác sinh hoạt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

* Các biện pháp kỹ thuật:

Thành phần gây ô nhiễm là bụi đất đá, tiếng ồn, khí thải máy chuyên dụng: CO2, SO2, NO, NO2, bụi lơ lửng, bụi chì. Chất gây ô nhiễm có đặc điểm phát tán không liên tục, gây ảnh hởng trong phạm vi hẹp, tuỳ thuộc vào tiến độ xây dựng, số lượng ca máy, ca xe hoạt động.

Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu và giám sát đơn vị thi công thực hiện những biện pháp được đề xuất như sau:

+ Đối với bụi, khí thải và tiếng ồn:

- Đóng cọc và làm hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực thi công để cách ly và chống bụi. Kích thước cao 2,3m.

- Tưới ẩm đường các tuyến giao thông có xe chở nguyên vật liệu thi công xây dựng bằng xe phun nước chuyên dùng vào các giờ: 8h, 11h30', 15h30', 17h30' để hạn chế bụi; đặc biệt là vào thời tiết khô, nóng, khu vực đông dân cư, trường học,… phải được phun nước với cường độ trung bình 1-1,5lít/m2.

- Khi chuyên chở vật liệu xây dựng các xe vận tải được phủ bạt kín tránh rơi vãi vật liệu trên đường. Không dùng xe tải quá cũ và không chở vật liệu rời quá tải, giảm tốc độ xuống 5 km/h khi đi vào khu vực thi công.

- Các loại máy thi công phải được kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên nhằm giảm lượng khí thải. Sử dụng máy khoan, búa máy đúng công suất nhằm hạn chế độ ồn, rung ảnh hưởng đến các công trình phụ cận khác.

- Không khoan, đào, đóng ép cọc bê tông vào ban đêm và giờ nghỉ...

+ Đối với nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn:

- Với khối lượng công việc lớn, thời gian kéo dài, lực lượng thi công tập trung tại công trường tuỳ theo đặc thù công việc và được bố trí ở tại lán trại hoặc nhà tạm cấp 4 ngay tại công trường cùng với các công trình đảm bảo sinh hoạt như: nhà bếp tập thể, nhà vệ sinh, nhà tắm. Lượng nước thải sinh hoạt hàng ngày khá lớn, nồng độ các chất hữu cơ dễ phân huỷ cao nên cần được thu gom xử lý.

- Nhà vệ sinh được thiết kế có bể xử lý tự hoại (bể phốt 3 ngăn), nguyên tắc hoạt động của bể là lắng cặn và phân huỷ sinh học trong điều kiện yếm khí, hiệu

quả xử lý chất lơ lửng, BOD5 đạt 65 - 75% sau đó mới được thải ra môi trường ngoài bằng rãnh bê tông kín.

- Đối với nguồn nước thải từ nhà ăn, tắm giặt được thu gom về bể lắng ngầm bằng bê tông dưới mặt đất có nắp đậy để lắng cặn, sau đó cùng với nước thải nhà vệ sinh thải ra đường cống chung.

- Vệ sinh mặt bằng thi công cuối ngày làm việc, thu gom rác thải, không để rò rỉ xăng dầu nhằm giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn. Thiết kế hệ thống mương thoát, tạo độ dốc thoát nước, tránh xói mòn do nước mưa chảy tràn.

+ Đối với chất thải rắn:

Đối với chất thải rắn sinh hoạt

+ Tập trung chất thải rắn vô cơ: đất đá, cát sỏi, gạch vỡ, bê tông... thu gom và hợp đồng đội vệ sinh môi trường của thành phố vận chuyển để chôn lấp hợp vệ sinh.

+ Đối với chất thải rắn là kim loại, nhựa, giấy, bao bì được thu gom, bán phế liệu.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt được thu gom lại định kỳ hàng ngày có xe thu gom rác thải đội vệ sinh môi trường của thành phố vận chuyển để chôn lấp hợp vệ sinh

Những biện pháp đề xuất ở trên là cơ bản để bảo vệ môi trường không khí, nước, đất và an toàn lao động trong giai đoạn thi công. Khi thực hiện, tuỳ theo tình hình cụ thể có thể bổ sung thêm các biện pháp cần thiết khác.

c. Các biện pháp khống chế, xử lý ô nhiễm khi dự án được đưa vào khai thác và sử dụng:

Khống chế, xử lý các nguồn gây ô nhiễm không khí

Vì nguồn gây ô nhiễm và tác động đến môi trường trong giai đoạn này là không đáng kể nên biện pháp sử dụng cây xanh trong khuôn viên để hạn chế ô nhiễm không khí là khá đơn giản, hiệu quả và tốn ít kinh phí. Cây xanh có tác dụng hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

Cây xanh được trồng trong khu công viên, xung quanh khu dân cư, khu dịch vụ và dọc theo các tuyến đường giao thông.

Khống chế ô nhiễm, xử lý nước thải

Hệ thống thu gom và thoát nước của khu vực dự án được thiết kế và xây dựng độc lập giữa nước thải và nước mưa chảy tràn.

* <u>Đối với nước mưa chảy tràn:</u>

- Thiết kế phân tán theo dạng cành cây cho từng lưu vực nhỏ theo nguyên tắc đảm bảo thoát nước nhanh nhất, không gây ngập úng cho các khu vực quy hoạch.

- Toàn bộ nước mưa đều được thu gom và xả ra suối.

- Dọc theo các tuyến cống xây dựng các hố ga kiểm tra chế độ làm việc của hệ thống. Khoảng cách các hố ga trung bình khoảng 25- 35m tuỳ theo độ dốc đáy cống.

* Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải từ các khu vệ sinh của công trình được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thoát vào các tuyến rãnh được xây dựng ở các tiểu khu sau đó đổ vào các tuyến chính, tập trung về trạm xử lý nước thải chung của toàn khu. Mạng lưới đường ống thoát nước thải sinh hoạt gồm các hố thu, hố thăm, các tuyến cống BTCT D200 – D300 và các tuyến cống dẫn có nhiệm vụ thu gom và đưa nước thải đến trạm xử lý của khu vực.

- Yêu cầu về mức độ xử lý: QCVN 14:2008 (mức B).

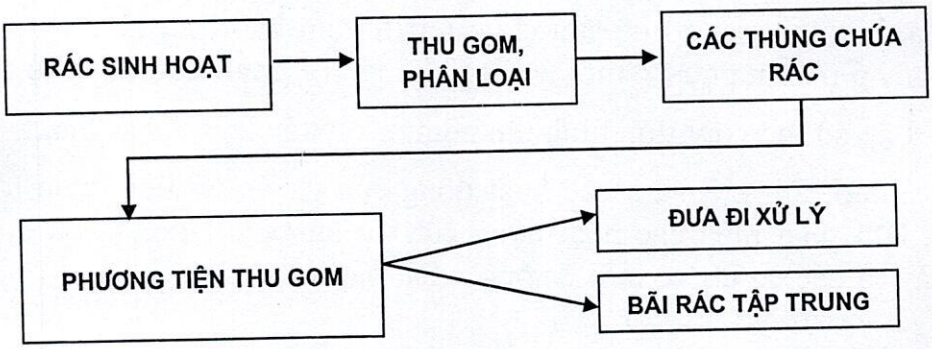
- Nơi tiếp nhận: Hệ thống mương thoát nước chung của khu vực, trạm trung chuyển CTR .

* Xử lý các loại chất thải rắn:

Các vận động viên và khan giả đến Sân vận động sẽ phân loại rác thải thành 3 loại: Rác thải hữu cơ dễ phân huỷ (thức ăn thừa, rau quả…); Rác thải từ đồ hộp vỏ bao bì; Rác thải nguy hại (gương kính vỡ, bóng đèn, pin, đồ điện tử) rồi đổ vào 3 loại thùng chứa rác thải quy định như trên.

Cuối ngày công nhân môi trường của đội vệ sinh môi trường của huyện sẽ thu gom vận chuyển đến bãi rác tập trung. Riêng đối với rác thải nguy hại sẽ được thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của Thông tư số 12/2011/TT – BTNMT của chính phủ về quản lý chất thả nguy hại.

Sơ đồ thu gom rác thải:



Ngoài ra, chính quyền địa phương phối hợp với Ban quản lý thường xuyên phổ biến các quy định về vệ sinh môi trường. Yêu cầu các hộ dân và khu dịch vụ thương mại, khu hội chợ khu đỗ xe thực hiện nghiêm túc các quy định, đóng kinh phí vệ sinh môi trường đầy đủ, kịp thời...

* Các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng chống sự cố:

Để giảm thiểu các tai nạn giao thông cần phải tổ chức hướng dẫn cách phòng tránh tai nạn giao thông, cách xử lý khi tai nạn xảy ra và luật lệ giao thông cho dân bản xứ đặc biệt với trẻ em. Giai đoạn này cần thiết phải phổ biến, tuyên truyền cho nhân dân về các biện pháp an toàn giao thông, phổ biến tinh thần bảo vệ các tài sản, công trình phòng hộ như: biển báo, hệ thống chiếu sáng…

Ban hành nội quy cụ thể về an toàn sử dụng điện, an toàn PCCC và dán ngay tại các hộ gia đình để cảnh báo người dân về nguy cơ cháy nổ, giúp họ có ý thức hàng ngày trong công tác phòng ngừa cháy nổ ngay tại nơi ở của mình.

Phối hợp với cơ quan PCCC để kiểm tra, giám sát và có biện pháp phối hợp kịp thời;

Lắp đặt hệ thống thu lụi chống sét tại khu vực có khả năng bị sét đánh, các kim thu này được hàn hệ khung cột thép cao lớn hơn 8 m để tăng bán kính thu;

Thống kê các sự cố về tình hình ngập úng trong khu vực làm cơ sở xây dựng phương án thoát nước tổng thể cho khu vực và bố trí máy bơm thoát nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng quá lớn;

Đội vệ sinh luôn đảm bảo công tác vệ sinh, thông cống rãnh để tránh hiện tượng cống thoát nước bị nghẹt gây ngập úng cục bộ trong những ngày có mưa, đặc biệt là các trận mưa lớn;

Phối hợp với đơn vị công an giao thông tại địa phương tiến hành cho phân luồng giao thông và lập biển quy định đường cấm đối với một số phương tiện quy định tốc độ xe cộ lưu thông trong khu vực,...để đảm bảo an toàn giao thông, an toàn tính mạng cho người dân trong khu vực.

d. Kế hoạch quản lý và giám sát môi trường:

* Chương trình quản lý môi trường:

Ban quản lý dự án có trách nhiệm thành lập bộ phận chuyên trách có nhiệm vụ:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, hệ thống thu gom xử lý nước thải; kịp thời phát hiện các sự cố để sửa chữa nhằm đảm bảo tính hiệu quả của hệ thống, không gây ô nhiễm phụ tới môi trường không khí (mùi, nước thải rò rỉ...)

- Lập sổ theo dõi tình hình thu gom, xử lý rác thải, nước thải.

- Theo dõi, kiểm tra các hoạt động của dự án có liên quan tới vấn đề môi trường. Khi phát hiện các hoạt động của dự án có tác động xấu đến môi trường hoặc xảy ra các sự cố về môi trường, phải báo cáo với chủ đầu tư biết để kịp thời giải quyết và xử lý.

* Chương trình giám sát môi trường:

Nhằm bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và hoạt động của Dự án, ngoài việc thực hiện nghiêm chỉnh các giải pháp nêu trong báo cáo ĐTM, dự án sẽ thực hiện chương trình quan trắc giám sát môi trường

6.2. Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

a. Hiệu quả đầu tư:

Việc đầu tư xây dựng đồng bộ các hạng mục công trình Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên sẽ đem lại những hiệu quả sau:

- Hiệu quả kinh tế :

+ Trước khi đầu tư xây dựng: Quy mô trung tâm điều dưỡng là 50 giường. Với chính sách kinh phí ưu đãi người có công mỗi năm điều dưỡng được 2.200 người đến 2.500 người/năm.

+ Sau khi đầu tư xây dựng: Dự kiến có kế hoạch xây dựng các nguồn thu từ dịch vụ chăm sóc điều dưỡng người cao tuổi, người khuyết tật và dịch vụ tham quan nghỉ dưỡng cho các đối tượng khác. Báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt các định mức áp dụng cho trung tâm.

+ Tiết kiệm đất xây dựng nâng cao giá trị sử dụng đất xây dựng.

+ Các trang thiết bị khi được đầu tư sẽ tiết kiệm chi phí đi lại để chăm sóc điều dưỡng người có công, người cao tuổi, người khuyết tật ... giúp cho công tác đào tạo, thực hành, bồi dưỡng điều dưỡng viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trước khi xuất khẩu lao động và là nơi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chăm sóc người cao tuổi, người có công cho các đối tượng của ngành lao động trong tỉnh và các tỉnh lân cận, để học sinh, sinh viên ngành điều dưỡng sau khi tốt nghiệp làm việc tại các Viện dưỡng lão ở nước ngoài.

+ Phát huy hiệu quả các hạng mục đã được đầu tư xây dựng do công trình hoàn thiện sẽ mang lại tính đồng bộ cao cho trung tâm , tránh lãng phí các hạng mục công trình đã đầu tư theo quy mô phát huy hết công suất.

- Hiệu quả xã hội:

+ Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công và người cao tuổi tỉnh Thái Nguyên là bước cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân nói chung và người có công, người cao tuổi, người khuyết tật nói riêng. Dự án được thực thi giúp nâng cao chất lượng phục vụ, chăm sóc người có công, người cao tuổi, người khuyết tật và góp phần tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương, cụ thể như sau:

+ Đối với người dân nói chung, người có công, người cao tuổi, người khuyết tật nói riêng dự án góp phần đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngày càng đa dạng, được thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao tại chỗ.

+ Đối với nhà nước, dự án giúp tăng giá trị sử dụng đất, tăng thu ngân sách, đồng thời góp phần thay đổi tích cực diện mạo hạ tầng đô thị, nâng cao vị thế cho địa phương, từ đó phát huy vai trò đầu tàu, trung tâm phát triển của Vùng trung du và miền núi phía Bắc theo đúng tinh thần Nghị quyết Đảng bộ lần thứ XX của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về mục tiêu phát triển tổng quát giai đoạn 5 năm 2021 - 2025.

- Là nơi điều dưỡng, chăm sóc những Người có công với cách mạng, những người là thương binh, bệnh binh, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thân nhân của Liệt sỹ, những người có công nuôi dưỡng thương binh, liệt sỹ. Họ là những người đã chịu nhiều đau thương mất mát, hy sinh vì độc lập tự do của dân tộc. Và còn là nơi nuôi dưỡng, điều dưỡng người cao tuổi trong toàn tỉnh và khu vực. Việc nâng cấp, mở rộng Trung tâm điều dưỡng người có công thành Trung tâm Điều dưỡng người

có công và Bảo trợ xã hội tổng hợp là việc làm mang tính Lịch sử cao, giá trị nhân văn sâu sắc, là việc làm tôn trọng giá trị gốc, tôn trọng Lịch sử của dân tộc.

- Là việc làm giáo dục truyền thống yêu nước, thúc đẩy phòng trào "Đền ơn đáp nghĩa" cho các thế hệ người dân Việt Nam, có bản lĩnh vững vàng đem sức lực, trí tuệ cống hiến cho đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

- Tuyên truyền giáo dục người dân có ý thức bảo vệ tài nguyên rừng, tài nguyên nước, sinh thái, cảnh quan, môi trường, nâng cao ý thức cộng đồng tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường thiên nhiên cũng như bảo tồn khai thác di sản văn hoá, du lịch dịch vụ.

- Xây trung tâm đồng bộ và hoàn chỉnh sẽ đáp ứng được các nhiệm vụ Bộ, UBND tỉnh và Sở giao theo đúng chức năng, nhiệm vụ của trung tâm.

- Đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, người cao tuổi, người khuyết tật tốt hơn.

- Tạo sự yên tâm cho gia đình và xã hội, người có công, người cao tuổi, người khuyết tật tiếp tục đóng góp trí tuệ, sức lao động để cải thiện cuộc sống.

7. Phân chia các dự án thành phần: Đây là dự án được lập đồng bộ, hoàn chỉnh.

8. Giải pháp tổ chức thực hiện.

8.1. Kế hoạch tiến độ thực hiện:

a. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

b. Tiến độ thực hiện dự án:

Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Lập, trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo chủ trương đầu tư xây dựng công trình; Lập Quy hoạch, lập thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và tổng mức đầu tư; Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình;

- Quý I năm 2022 : BTGPMB, tái định cư (nếu có); Lựa chọn nhà thầu, tổ chức thi công các hạng mục công trình;

- Quý II năm 2022 - quý III năm 2024 : tổ chức thi công các hạng mục công trình

- Quý I năm 2025: Thanh quyết toán vốn đầu tư, đưa công trình vào khai thác sử dụng.

8.2. Tổ chức thực hiện:

Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên được xây dựng theo các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi một số điều của Luật Xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của của chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các văn bản hiện hành khác; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của của chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của của chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của của chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Quy mô dự án được thực hiện theo đúng quyết định đầu tư;

- Công tác đánh giá tác động môi trường được thực hiện trong quá trình chuẩn bị đầu tư theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13;

- Trong quá trình chuẩn bị đầu tư, hồ sơ thiết kế phải được các cơ quan chuyên ngành thẩm định;

- Dự án được thực hiện theo phương thức đấu thầu phù hợp với các quy định hiện hành.

9. Kết luận.

Trước những yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới hiện nay cho thấy việc đầu tư xây dựng Dự án nâng cấp mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên là hết sức cần thiết; phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước, định hướng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên, nhằm phát huy truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", gắn giáo dục truyền thống cách mạng với sinh thái, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện tốt công tác "Đền ơn đáp nghĩa", quan tâm chăm sóc các gia đình Liệt sỹ, thương, bệnh binh và người có công với cách mạng, thể hiện trách nhiệm và tình cảm tri ân sâu sắc đến những người đã hy sinh xương máu cho nền độc lập dân tộc.

Dự án đầu tư xây dựng nằm trong Quy hoạch khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc, là vùng tập trung đông dân cư, nhiều người cao tuổi cần có sự chăm sóc đồng thời giao thông thuận lợi, gần các bệnh viện tuyến tỉnh. Trung tâm được đầu tư xây dựng theo mô hình tổng hợp, có nhiều hạng mục sử dụng chung và nhiều công năng nên tiết kiệm chi phí, công năng sử dụng lớn (nhất là các hạng mục dùng chung) nên có hiệu quả kinh tế cao; mang lại tác động tích cực đến đời sống xã hội trong vùng, phù hợp với sự phát triển ngày càng già hóa dân số của Việt nam. Dựa vào các tiêu chuẩn quy phạm của nhà nước, kết hợp với phân tích đánh giá nhu cầu nhiệm vụ, chức năng, cơ cấu tổ chức và các yếu tố ảnh hưởng khác để đề xuất, lựa chọn phương án thiết kế, xác định tổng mức đầu tư, có thể khẳng định tính khả thi cao của dự án.

Với nội dung trên, Sở Lao động - Thương binh và Xã Hội kính trình UBND tỉnh Thái Nguyên xem xét phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu: VT,VP.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thị Quỳnh Hương

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG TRUNG TÂM ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG TỈNH THÁI NGUYÊN

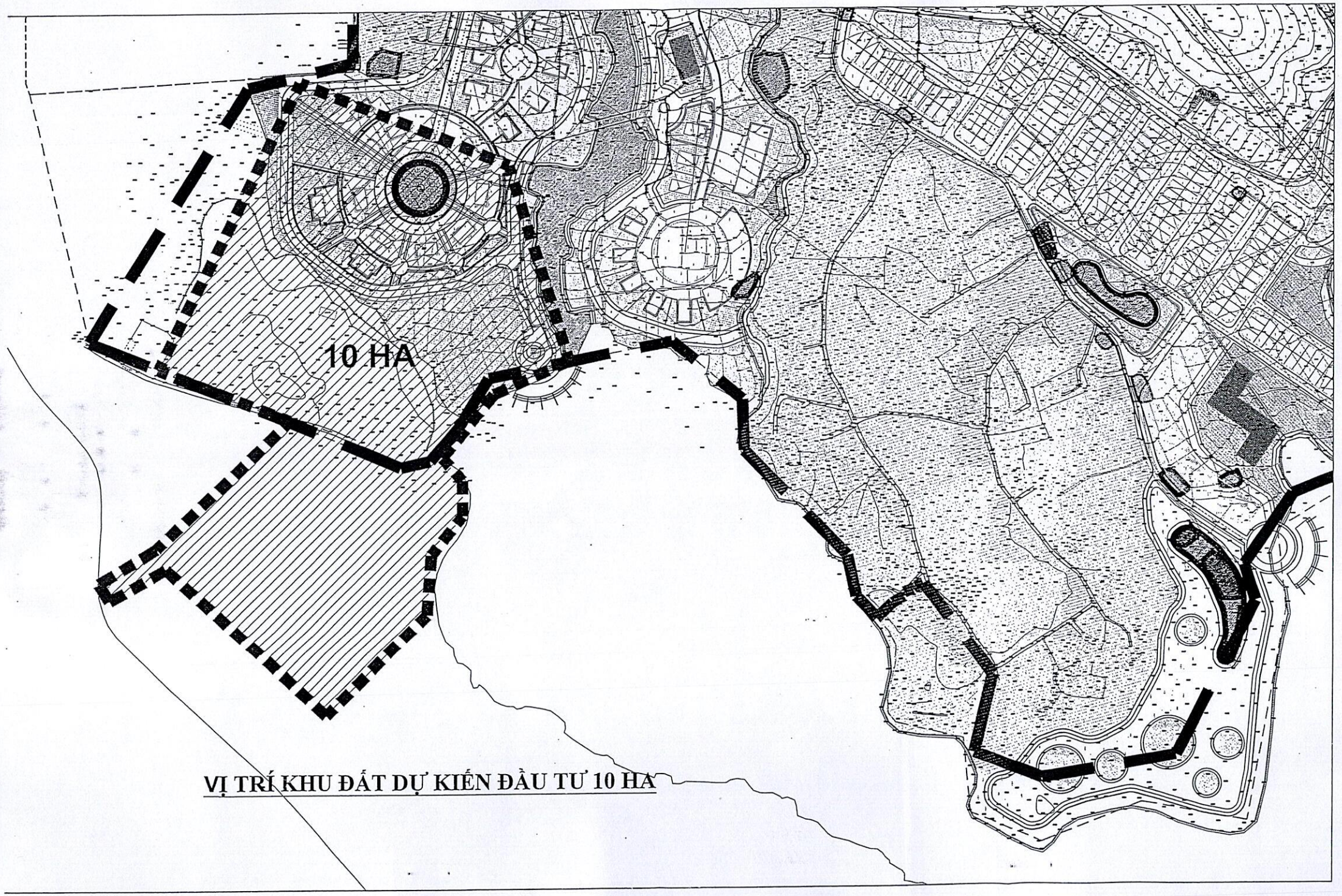
Đơn vị tính : đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức %	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	**Chi phí xây dựng**	**Gxd**				**212.319.009.606**	**21.231.900.961**	**233.550.910.567**
1.1	San lấp mặt bằng, kè đá, cổng, tường rào, sân bêtông, đường giao thông	Gxd.1			Theo bảng tổng hợp dự toán chi phí xây dựng	25.751.114.106	2.575.111.411	28.326.225.517
1.2	Đơn nguyên A	Gxd.2				27.753.885.000	2.775.388.500	30.529.273.500
1.3	Đơn nguyên B	Gxd.3				27.753.885.000	2.775.388.500	30.529.273.500
1.4	Đơn nguyên C	Gxd.4				11.242.080.000	1.124.208.000	12.366.288.000
1.5	Nhà chăm sóc Y tê + Vật lý trị liệu + Giảng đường + Thư viện	Gxd.5				11.523.132.000	1.152.313.200	12.675.445.200
1.6	Nhà hành chính quản trị	Gxd.6				5.480.514.000	548.051.400	6.028.565.400
1.7	Nhà bếp + ăn	Gxd.7				11.250.000.000	1.125.000.000	12.375.000.000
1.8	Nhà hội trường	Gxd.8				11.242.080.000	1.124.208.000	12.366.288.000
1.9	Nhà đa năng	Gxd.9				5.621.040.000	562.104.000	6.183.144.000
1.10	Bể bơi	Gxd.10				30.915.720.000	3.091.572.000	34.007.292.000
1.11	Nhà dịch vụ bể bơi	Gxd.11				1.686.312.000	168.631.200	1.854.943.200
1.12	Nhà chòi nghỉ bên bờ hồ	Gxd.12				878.287.500	87.828.750	966.116.250
1.13	Biệt thự nghỉ dưỡng	Gxd.13				12.647.340.000	1.264.734.000	13.912.074.000
1.14	Trạm biến áp lên 560 KVA	Gxd.14				1.756.575.000	175.657.500	1.932.232.500
1.15	Sân thể thao	Gxd.15				5.152.620.000	515.262.000	5.667.882.000
1.16	Cấp, thoát nước ngoài nhà, thoát nước thải, bể cứu hỏa PCCC	Gxd.16				5.269.725.000	526.972.500	5.796.697.500

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức %	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1.17	Cấp điện ngoài nhà, chiếu sáng sân đường, thông tin liên lạc ngoài nhà	Gxd.17				5.269.725.000	526.972.500	5.796.697.500
1.18	Cây xanh	Gxd.18				11.124.975.000	1.112.497.500	12.237.472.500
2	**Chi phí thiết bị**	**Gtb**				**48.800.000.000**	**4.880.000.000**	**53.680.000.000**
3	**Chi phí quản lý dự án**	**Gqlda**	1,727%		**(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ**	**4.509.525.296**	**450.952.530**	**4.960.477.826**
4	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**Gtv**				**12.224.348.895**	**1.222.434.889**	**13.446.783.784**
4,1	Chi phí khảo sát	Gtv1			Tạm tính	900.000.000	90.000.000	990.000.000
4,2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	Gtv2	3,000%		Gtv1 x trước thuế x tỷ lệ	27.000.000	2.700.000	29.700.000
4,3	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	Gtv3	4,072%		Gtv1 x trước thuế x tỷ lệ	36.648.000	3.664.800	40.312.800
4,4	Chi phí báo cáo đánh giá tác động môi trường	Gtv4	0,000%			280.000.000	28.000.000	308.000.000
4,3	Chi phí lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	Gtv4			Tạm tính	900.000.000	90.000.000	990.000.000
4,5	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án đầu tư	Gtv5	0,040%		(Gxd+Gtb) x trước thuế x tỷ lệ	104.447.604	10.444.760	114.892.364
4,7	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	Gtv7			(Gxd+Gtb) x trước thuế x tỷ lệ		0	0
4,7	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Gtv7	0,380%		(Gxd+Gtb) x trước thuế x tỷ lệ	992.252.237	99.225.224	1.091.477.461
4,9	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv9	0,000%		(Gxd+Gtb) x trước thuế x tỷ lệ		0	0
4,9	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	Gtv9	0,065%		(Gxd+Gtb) x trước thuế x tỷ lệ	169.727.356	16.972.736	186.700.092
4,10	Chi phí thẩm tra thiết kế công nghệ	Gtv10	20,000%		Gtv9 x trước thuế x tỷ lệ	33.945.471	3.394.547	37.340.018
4,13	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần thiết kế	Gtv13			Gxd x trước thuế x tỷ lệ		0	0
4,14	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần dự toán	Gtv14			Gxd x trước thuế x tỷ lệ		0	0
4,15	Chi phí thi tuyển thiết kế kiến trúc	Gtv15					0	0
4,16	Chi phí thiết kế kỹ thuật	Gtv16	0,000%		Gxd x trước thuế x tỷ lệ	0	0	0

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức %	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
4,11	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	Gtv11	2,061%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	4.375.894.788	437.589.479	4.813.484.267
4,12	Chi phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật	Gtv12	0,107%		Gxd x trước thuế x tỷ lệ	227.181.340	22.718.134	249.899.474
4,19	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	Gtv19	0,000%			0	0	0
4,13	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	Gtv13	0,104%		Gxd x trước thuế x tỷ lệ	220.811.770	22.081.177	242.892.947
	GXD(Dự toán gói thầu)	GXDgtxd			(bảng tổng hợp dự toán gói thầu)	208.581.337.948		
	GGTXD (Dự toán gói thầu)	Ggtxd			(bảng tổng hợp dự toán gói thầu)	226.675.769.015		
4,14	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	Gtv14	0,077%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	160.607.630	16.060.763	176.668.393
4,15	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu phần tư vấn lập dự án và khảo sát (Gtv1+Gtv7)	Gtv15	0,706%		(Gtv1+Gtv7) x trước thuế x tỷ lệ	13.359.301	1.335.930	14.695.231
4,16	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu phần lập dự án và khảo sát	Gtv16	0,100%		(Gtv1+Gtv7) x trước thuế x tỷ lệ	1.892.252	189.225	2.081.477
4,17	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu phần tư vấn thiết kế (Gtv11)	Gtv17	0,532%		(Gtv11) x trước thuế x tỷ lệ	23.279.760	2.327.976	25.607.736
4,18	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu phần thiết kế	Gtv18	0,100%		(Gtv11) x trước thuế x tỷ lệ	4.375.895	437.589	4.813.484
4,19	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv19	0,020%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	41.716.268	4.171.627	45.887.895
4,20	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv20	1,536%		Gxd x trước thuế x tỷ lệ	3.261.219.988	326.121.999	3.587.341.987
4,21	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị	Gtv21	0,181%		Gtb x trước thuế x tỷ lệ	88.328.000	8.832.800	97.160.800
4,22	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu phần thiết bị	Gtv22	0,100%		Gtb x trước thuế x tỷ lệ	48.800.000	4.880.000	53.680.000
4,23	Chi phí lập hồ sơ dự thầu, đánh giá hồ sơ đề xuất phần tư vấn giám sát	Gtv23	0,575%		(Gtv20) x trước thuế x tỷ lệ	18.752.015	1.875.201	20.627.216
4,24	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu phần tư vấn giám sát	Gtv24	0,100%		(Gtv20) x trước thuế x tỷ lệ	3.261.220	326.122	3.587.342
4,25	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	Gtv25	0,596%		Gtb x trước thuế x tỷ lệ	290.848.000	29.084.800	319.932.800

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức %	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
5	**Chi phí khác**	**Gk**				**1.870.650.315**	**162.171.630**	**2.032.821.945**
5,1	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	Gk1			Tạm tính	300.000.000	30.000.000	330.000.000
5,2	Chi phí thẩm định thiết kế (Thông tư 210/2016/TT-BTC)	Gk2	0,065%		Gxd x trước thuế x tỷ lệ	138.007.356	13.800.736	151.808.092
5,3	Chi phí thẩm định dự toán (Thông tư 210/2016/TT-BTC)	Gk3	0,062%		Gxd x trước thuế x tỷ lệ	131.637.786	13.163.779	144.801.565
5,4	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	Gk4	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	58.457.540	5.845.754	64.303.294
5,5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 10/2020/TT-BTC)	Gk5	0,178%		(TMĐT-DP) x tỷ lệ x50%	248.934.023		248.934.023
5,6	Chi phí kiểm toán độc lập (Thông tư 10/2020/TT-BTC)	Gk6	0,267%		(TMĐT-DP) x tỷ lệ	746.802.068	74.680.207	821.482.275
5,7	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 329/2016/TT-BTC)	Gk7	0,110%		Gxd x trước thuế x tỷ lệ	233.550.911	23.355.091	256.906.002
5,8	Chi phí thẩm định phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (Thông tư 258/2016/TT-BTC)	Gk8	0,004%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	13.260.631	1.326.063	14.586.694
5,9	Chi phí nghiệm thu bàn giao theo TT04/2019 của BXD	Gk9	20,000%		(Gtv20+Gtv25) x 20%			0
6	**Chi phí dự phòng**	**Gdp**			**Gdp1 + Gdp2**	**7.412.673.654**	**741.267.365**	**8.153.941.019**
6,1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	2,650%		(Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk) x trước thuế x tỷ lệ	7.412.673.654	741.267.365	8.153.941.019
6,2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	Gdp2	0,000%					0
7	**Chi phí GPMB**	**Ggpmb**			**Tạm tính**	**34.175.065.000**		**34.175.065.000**
	TỔNG CỘNG	**Gtmdt1**			**Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk+Gdp**	**321.311.272.766**	**28.688.727.375**	**350.000.000.141**
	LÀM TRÒN	**Gtmdt**						**350.000.000.000**



VỊ TRÍ KHU ĐẤT DỰ KIẾN ĐẦU TƯ 10 HA

Người ký: Sở Kế hoạch và Đầu tư
Email: sokhdt@thainguyen.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Thời gian ký: 02.08.2021 17:25:13 +07:00

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 2362/BC-SKHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độclập - Tự do - Hạnhphúc

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Sở Lao động thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Tờ trình số 569/TTr- LĐTBXH ngày 30/7/2021 của Sở Lao động thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên về việc trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên. Sau khi xem xét hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án như sau:

Phần thứ nhất
TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Tờ trình số 569/TTr-SLĐTBXH ngày 30/7/2021của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên về việc trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên.

2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên số 561/BC-SLĐTBXH ngày 29/7/2021;

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH

1. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

2. Nghị định số 40/2020/NĐ- CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

3. Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025;

4. Quyết định số 26/2020/QĐ- TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025;

5. Quyết định số 1340/QĐ- UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

6. Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025;

7. Thông báo số 2475/TB- BLĐTBXH ngày 30/7/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Thông báo Kết luận của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tại buổi làm việc với UBND tỉnh Thái Nguyên;

8. Căn cứ vào một số nội dung đã thẩm định dự án tại Báo cáo số 2026/BC- SKHĐT ngày 16/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Nguyên.

2. Đơn vị phối hợp thẩm định: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; UBND huyện Đại Từ.

3. Hình thức thẩm định: Lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản và Họp Hội nghị thẩm định thông qua biên bản.

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA CƠ QUAN/HỘI NGHỊ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên.

2. Dự án nhóm: Dự án nhóm B.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

5. Đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Khu đất dự kiến thực hiện đầu tư tại xã Tân Thái, huyện Đại Từ.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư: 350.000 triệu đồng.

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định

- Ngân sách địa phương vốn đầu tư công *(Từ nguồn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất một số đơn vị thuộc tỉnh được xây dựng trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và nguồn vốn huy động hợp pháp khác).*

- Ngân sách trung ương hỗ trợ.

9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng vốn đề nghị thẩm định: Xã hội.

10. Thời gian thực hiện (Tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án): 4 năm (Năm 2022-2025).

11. Hình thức đầu tư của dự án: Đầu tư xây dựng mới.

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Trên cơ sở ý kiến tham gia thẩm định của các đơn vị có liên quan, Hội nghị thẩm định đã thống nhất kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án trên với những nội dung như sau:

1. Sự cần thiết đầu tư dự án

Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên được thành lập theo từ năm 2004, có trụ sở tại xóm Gốc mít, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, với tổng diện tích là 32.311m^2 (3,23ha) bao gồm cả khu vực đảo. Hằng năm, số lượng người có công có nhu cầu đến điều dưỡng tập trung tại Trung tâm khoảng từ 3.200 người đến 3.500 người.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất của trung tâm còn thiếu (chỉ có 50 giường điều dưỡng luân phiên) cộng với đội ngũ viên chức, người lao động của trung tâm ít, nên chỉ phục vụ điều dưỡng được từ 2.200 người đến 2.500 người/năm. Do đó, mỗi năm Trung tâm phải gửi đi điều dưỡng ở tỉnh ngoài khoảng 1.000 người. Đồng thời, với đặc thù là một tỉnh An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, là tỉnh duy nhất trong toàn quốc có Di tích lịch sử Quốc gia Thương binh-Liệt sĩ 27/7 nên hằng năm trung tâm Điều dưỡng phải đón một lượng lớn Người có công của các tỉnh; các đoàn công tác của các bộ, ngành, các tỉnh bạn về nghỉ dưỡng, thăm quan khu di tích lịch sử 27/7. Bên cạnh đó, nhu cầu được điều dưỡng/nghỉ dưỡng của đội ngũ lãnh đạo qua các thời kỳ đã nghỉ chế độ thuộc diện Tỉnh ủy Thái Nguyên quản lý trên địa bàn tỉnh có số lượng lớn, ngày càng tăng cao.

Trong khi đó, cơ sở vật chất của Trung tâm đã xuống cấp do đầu tư đã lâu (năm 2001); về quy mô, diện tích của Trung tâm cũng còn nhỏ; đặc biệt, theo quy hoạch chung, ví trí của trung tâm hiện nay nằm trong quy hoạch khu du lịch quốc gia đặc biệt hồ Núi Cốc. Để đáp ứng được nhu cầu, nhiệm vụ đặt ra việc đầu tư xây dựng Trung tâm Điều dưỡng người có công với quy mô lớn hơn, ở vị trí phù hợp hơn là rất cần thiết.

Xây dựng, nâng cấp mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên trở thành Trung tâm điều dưỡng người có công cấp khu vực với quy mô 375 giường,... không chỉ đáp ứng nhu cầu trong tỉnh, trong vùng (bao gồm cả các tỉnh phía Bắc như Bắc Kạn, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang,...) mà còn đáp ứng nhu cầu đón các đoàn khách người có công trong cả nước khi đến thăm viếng khu di tích lịch sử Quốc gia 27/7 là nhiệm vụ cần thiết của các cơ quan chức năng của Trung ương và của tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định

- Nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

- Thành phần hồ sơ: Đảm bảo theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 Nghị định số 40/2020/NĐ- CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tưc ông, gồm có:

+ Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án.

+ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

3. Sự phù hợp với mục tiêu chiến lược; kế hoạch và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch

Việc đầu tư xây dựng Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên phù hợp với các mục tiêu, chiến lược phát triển của ngành; phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Vị trí thực hiện dự án có diện tích sử dụng đất 10ha, hiện tại đã có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ thời kỳ 2021-2030, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất với chức năng phục vụ văn hóa du lịch huyện Đại Từ.

Khu vực đề xuất thực hiện dự án phù hợp với định hướng quy hoạch vùng du lịch Hồ Núi Cốc đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3212/QĐ-UBND ngày 24/12/2010; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2228/QĐ-TTg ngày 18/11/2016.

4. Sự phù hợp tiêu chí phân loại dự án: Công trình có tổng mức đầu tư dự kiến là 350.000 triệu đồng, thuộc dự án nhóm B theo tiêu chí phân loại tại Điều 9 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

5. Các nội dung quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư công

5.1. Về mục tiêu

Xây dựng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên là cơ sở nghỉ dưỡng tổng hợp, đa chức năng với hệ thống dịch vụ phong phú, khép

kín, được đầu tư xây dựng mới với công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu điều dưỡng người có công trong và ngoài tỉnh nhằm nâng cao chất lượng phục vụ.

Đồng thời khi đi vào hoạt động, Trung tâm vừa là nơi tổ chức các hoạt động thực hành, thực tập; vừa là nơi tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động của ngành Lao động- Thương binh và Xã hội.

5.2. Phạm vi địa điểm: Xã Tân Thái, huyện Đại Từ.

5.3. Về quy mô công trình

- Dự kiến khai thác quỹ đất với tổng diện tích khoảng 10ha, mở rộng ra vị trí thuộc xã Tân Thái huyện Đại Từ, đảm bảo điều kiện cho việc đầu tư đồng bộ các hạng mục công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo.

- Các hạng mục đầu tư gồm:

+ Nhà hành chính quản trị.

+ Nhà nghỉ dưỡng và phục hồi, điều trị. (Các đơn nguyên A, B, C).

+ Nhà chăm sóc Y tế, Vật lý trị liệu, Thư viện.

+ Nhà hội trường, Nhà đa năng.

+ Nhà bếp, nhà ăn, kè đá, cổng, tường rào, sân bê tông, cây xanh, đường giao thông; Trạm biến áp 560 KVA; Sân thể thao; Bể bơi và dịch vụ kèm theo.

+ Hạ tầng kỹ thuật: San lấp mặt bằng; cấp, thoát nước ngoài nhà, thoát nước thải, bể cứu hỏa PCCC; Cấp điện ngoài nhà, chiếu sáng sân đường, thông tin liên lạc ngoài nhà; Thiết bị kèm theo công trình.

5.4. Thời gian thực hiện (Tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án): 4 năm (Năm 2022 - 2025).

5.5. Các nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; dự kiến bố trí vốn

- Về nguồn vốn

+ Ngân sách địa phương vốn đầu tư công *(Từ nguồn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất một số đơn vị thuộc tỉnh được xây dựng trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và nguồn vốn huy động hợp pháp khác).*

+ Ngân sách trung ương hỗ trợ.

- Về khả năng cân đối vốn

+ Ngân sách địa phương vốn đầu tư công *(Từ nguồn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất một số đơn vị thuộc tỉnh được xây dựng trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và nguồn vốn huy động hợp pháp khác)* khoảng 105.000 triệu đồng.

+ Ngân sách trung ương hỗ trợ tỉnh Thái Nguyên: Khoảng 245.000 triệu đồng.

5.6. Hiệu quả kinh tế- xã hội của dự án

- Dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên là bước cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe người có công.

- Dự án được đầu tư sẽ nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng đa dạng, được thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

- Là nơi điều dưỡng, chăm sóc những người có công với cách mạng, những người là thương binh, bệnh binh, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thân nhân của Liệt sỹ,... mang giá trị nhân văn sâu sắc, là việc làm tôn trọng giá trị gốc, tôn trọng lịch sử của dân tộc, giáo dục truyền thống đạo lý đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn.

- Tạo không gian, cảnh quan theo xu hướng xanh, yên tĩnh, cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường, phù hợp với chức năng hoạt động của trung tâm phục vụ điều dưỡng, chăm sóc người có công.

- Các công trình được thiết kế gần gũi, hài hòa với thiên nhiên, phù hợp với cảnh quan chung của khu du lịch, khi hoàn thành sẽ là điểm nhấn về mặt kiến trúc của khu du lịch Hồ Núi Cốc.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

1. Về thời gian thực hiện, tiến độ thực hiện dự án: 04 năm (Năm 2022 - 2025).

2. Về tổng mức đầu tư dự kiến: 350.000 triệu đồng.

3. Về nguồnvốn và khả năng cân đối nguồn vốn

- Về nguồn vốn

+ Ngân sách địa phương vốn đầu tư công *(Từ nguồn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất một số đơn vị thuộc tỉnh được xây dựng trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và nguồn vốn huy động hợp pháp khác).*

+ Ngân sách trung ương hỗ trợ.

- Về khả năng cân đối vốn

+ Ngân sách địa phương vốn đầu tư công *(Từ nguồn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất một số đơn vịt huộc tỉnh được xây dựng trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và nguồn vốn huy động hợp pháp khác)* khoảng 105.000 triệu đồng.

+ Ngân sách trung ương hỗ trợ tỉnh Thái Nguyên: Khoảng 245.000 triệu đồng.

IV. KẾT LUẬN

- Dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên thuộc lĩnh vực Xã hội theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày

14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

- Hội nghị thẩm định thống nhất báo cáo cấp có thẩm quyền dự kiến bố trí khoảng 105.000 triệu đồng từ nguồn Ngân sách địap hương *(Từ nguồn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất một số đơn vị thuộc tỉnh được xây dựng trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và nguồn vốn huy động hợp pháp khác)* và khoảng 245.000 triệu đồng từ Nguồn Ngân sách trung ương hỗ trợ tỉnh Thái Nguyên để thực hiện dự án là phù hợp trong giai đoạn 2021-2025.

Dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên đủ điều kiện để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 2026/BC-SKHĐT ngày 16/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư).

Sở Kế hoạch và Đầu tư đền ghị Sở Lao động Thương binh và Xã hội hoàn thiện báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, THQH, VXĐN.
(Hiephn.03b)

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI NGUYÊN

Đào Duy Anh